

Số: 312/BC-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

**BÁO CÁO**

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AN GIANG

**ĐẾN**

Ngày: 04 / 6 / 2018

Số: 5515

Chuyển:

Lưu Hồ Sơ: BC UBND

**Kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại kỳ họp lần thứ 6 HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

Tại kỳ họp lần thứ 6 HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, HĐND tỉnh chất vấn 6 cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội (Công văn 202/HĐND-TT ngày 29/11/2017). Tại kỳ họp lần thứ 7 HĐND tỉnh khóa IX, UBND tỉnh báo cáo tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các nội dung chất vấn như sau:

**A. Đối với các sở ngành:**

**I. Nội dung chất vấn:** *Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, nhưng tại sao vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có. Giải pháp nâng cao tính cạnh tranh của du lịch An Giang trong khu vực, trong nước và trên thế giới.*

**- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo kết quả thực hiện:**

1. Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 59/CTr-UBND ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, các sở, ngành đã ban hành kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình hành động. Cụ thể, có 8 đơn vị xây dựng các kế hoạch và triển khai các giải pháp thực hiện Chương trình phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang năm 2017. Đến nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Báo cáo số 193/BC-SVHTTDL, ngày 29/01/2018 báo cáo sơ kết 01 năm kết quả thực hiện Chương trình phát triển Hạ tầng Du lịch năm 2017 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2018.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang và gửi Công văn số 787/SVHTTDL-DL, ngày 27/4/2018 lấy ý kiến của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp và Hiệp hội Du lịch tỉnh. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua trong kỳ họp tháng 7/2018.

3. Triển khai thực hiện Quyết định số 381/QĐ-UBND, ngày 23/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình khoa học và công nghệ "Nghiên cứu phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020. Năm 2018, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đề xuất 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực du lịch, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 về danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

năm 2017-2018. Tính đến nay, đã có 19 nhiệm vụ KHCN liên quan đến lĩnh vực du lịch được đề xuất, trong đó có 16 nhiệm vụ được phê duyệt, triển khai thực hiện và nghiệm thu trong năm 2018; 03 nhiệm vụ được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định nội dung và kinh phí.

4. Tổ chức rà soát điều chỉnh bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030: Về việc rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành điều chỉnh thông số kỹ thuật và dữ liệu phù hợp với tình hình phát triển thực tế và nghiên cứu, lựa chọn đơn vị tư vấn quy hoạch có chuyên môn cao, am hiểu về du lịch An Giang để điều chỉnh quy hoạch.

**II. Nội dung chất vấn: “Hiện nay, trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế (KCB BHYT), tình hình gia tăng chi phí bất thường và bội chi quỹ BHYT tăng cao, dẫn đến mất cân đối trong sử dụng quỹ. Đề nghị cho biết công tác phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện KCB BHYT và giải pháp gì để kiểm soát, hạn chế bội chi quỹ BHYT”.**

**- Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh báo cáo kết quả thực hiện:**

Về các giải pháp để kiểm soát, hạn chế bội chi quỹ BHYT:

- Tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh, hoàn thành chỉ tiêu của Chính phủ giao theo lộ trình đến năm 2020.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán chi cho các cơ sở KCB BHYT, cùng với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ và đột xuất.

- Phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể các cấp trong tuyên truyền, vận động người lao động tại các doanh nghiệp, học sinh sinh viên, hộ gia đình tham gia BHXH, BHYT.

- Phối hợp với Sở Y tế tăng số lượt thanh, kiểm tra các cơ sở KCB có hiện tượng gia tăng chi phí đột biến, phát hiện và xử lý nghiêm trường hợp lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT.

- Cơ sở KCB phải đảm bảo chuyển dữ liệu lên cổng tiếp nhận ngay khi người bệnh ra viện để đảm bảo tính liên thông dữ liệu trong toàn tỉnh, toàn quốc nhằm kiểm tra KCB thông tuyến.

- Thực hiện công tác giám định trên phần mềm giám định BHYT, kết hợp giám định điện tử và giám định chủ động trên hồ sơ bệnh án đảm bảo nhanh, chuẩn xác, tỷ lệ giám định cao và hiệu quả.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ sở KCB trong quản lý và sử dụng quỹ KCB BHYT một cách hiệu quả, an toàn và tiết kiệm.

- Đề nghị Sở Y tế kiến nghị Bộ Y tế sớm công nhận kết quả cận lâm sàng của các tuyến điều trị đạt chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, nhằm giảm chi phí cho người bệnh.

\* Kết quả: Qua triển khai các giải pháp nêu trên, năm 2017 mặc dù các cơ sở KCB trong tỉnh thực hiện giá dịch vụ y tế bao gồm chi phí tiền lương, nhưng bội chi có chiều hướng giảm (năm 2017 bội chi 418 tỷ đồng, năm 2016 bội chi 429 tỷ đồng).

**III. Nội dung chất vấn: Việc tái lập hiện trạng ban đầu đối với các tuyến đường sau khi thi công dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên; công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động trong quá trình thi công vừa qua như thế nào.**

**- Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện:**

1. Công tác tái lập hiện trạng ban đầu đối với các tuyến đường sau khi thi công dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên:

Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên do Công ty Cổ phần Điện nước An Giang làm chủ đầu tư bao gồm 154 đoạn, tuyến. Trong đó 100 đoạn, tuyến đã hoàn thành xong và ngoài ra có 32 tuyến không thi công lắp đặt tuyến ống (chuyển sang hình thức thu nước bằng giếng tách); 20 trạm bơm và 02 nhà máy xử lý nước thải. Đến thời điểm này tiến độ thực hiện với kết quả như sau:

Hiện nay, tuyến ống thu gom nước thải (thuộc gói thầu số 25) đã thi công hoàn thành công tác lắp đặt tuyến ống và đang tổ chức hoàn trả lại hiện trạng ban đầu (tỷ lệ đạt 95% khối lượng). Còn lại 12 đoạn, tuyến đã thi công lắp đặt tuyến ống, hoàn trả cấp phối chưa hoàn trả nhựa và 10 đoạn, tuyến chưa thi công lắp đặt tuyến ống, cụ thể:

1.1. Đối với 12 đoạn, tuyến đã thi công lắp đặt tuyến ống, hoàn trả cấp phối nhưng chưa hoàn trả nhựa, gồm:

- Khu vực phía Bắc: Đường Nguyễn Thái Học (đoạn Lê Lợi – Lê Triệu Kiệt); Võ Văn Hoài, Nguyễn Trường Tộ, Quán Cơ Thành và Trương Định (đoạn đầu nối trạm bơm phụ); Yết Kiêu (tại ngã ba giao với Trần Hưng Đạo); Mặt bằng trạm bơm PS1 và PS2.

- Khu vực phía Nam: Hà Hoàng Hồ (từ Bùi Thị Xuân – Trần Quang Diệu); Võ Thị Sáu (từ Trần Bình Trọng đến Hà Hoàng Hồ); Chu Văn An (đoạn đầu nối với Nguyễn Trãi); Quốc lộ 91 (đoạn đầu nối đường Nguyễn thị Minh Khai, đoạn cầu Cái Sơn đến Hải Thượng Lãn Ông, đoạn từ Lê Chân đến Đoàn Thị Điểm).

1.2. Đối với 10 đoạn tuyến chưa thi công, gồm:

- Khu vực phía Bắc: Đầu nối tuyến ống chính vào trạm bơm phụ tại đường Nguyễn Thanh Sơn.

- Khu vực phía Nam: Thoại Ngọc Hầu (lề phải từ Lý Thái Tổ - Nguyễn Trãi 272m); Phạm Ngũ Lão (12m); Dự Định 5 (73m); Lý Thái Tổ (lề phải từ Thoại Ngọc Hầu – Hùng Vương 295m); Trần Nguyên Đán (08m); Hà Hoàng Hồ (lề phải từ Võ Thị Sáu – Bùi Thị Xuân 199m); Quốc lộ 91 (đoạn cầu Tầm Bót đến PS8 33m); Quốc lộ 91 (đoạn Lê Chân đến PS8 28m); Băng ngang Quốc lộ 91 tại đường Đoàn Thị Điểm.

1.3. Đối với các trạm bơm nước thải:

- Trạm bơm chính bao gồm 08 trạm bơm. Trong đó có 06 trạm bơm đã thi công xong phần xây (đạt 100%) và hiện đang triển khai lắp đặt thiết bị và đường ống kỹ thuật cho 02 trạm còn lại.

- Trạm bơm phụ bao gồm 12 trạm bơm. Trong đó đã hoàn thành xong phần xây lắp 06 trạm (đạt 100%) và đang thi công hoàn thiện 06 trạm bơm còn lại.

1.4. Đối với 02 nhà máy xử lý nước thải: Đã hoàn thành 100% khối lượng xây lắp và lắp đặt thiết bị, đang kiểm tra và hoàn thiện dây chuyền công nghệ chuẩn bị cho công tác vận hành chạy thử.

Tiến độ dự kiến thi công hoàn thành đến giữa tháng 6 năm 2018, thực hiện việc kiểm tra, sửa chữa khắc phục các hư hỏng để vận hành chạy thử vào cuối tháng 6 năm 2018.

2. Đối với công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động trong quá trình thi công:

Sở Xây dựng phối hợp cùng với Sở Giao thông Vận tải, UBND thành phố Long Xuyên và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang kiểm tra công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động trong thi công xây dựng thường xuyên và theo định kỳ hàng tuần về công tác quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động, an toàn giao thông trong thi công xây dựng đối với dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên.

Qua kiểm tra, đã kịp thời xử lý, khắc phục các tồn tại liên quan đến các đơn vị có liên quan như: nhà thầu thi công, tư vấn giám sát, chủ đầu tư,... trong việc triển khai dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, trong đó đã xử lý vi phạm hành chính đối với 02 đơn vị dưới hình thức phạt tiền (Cty TNHH Công nghiệp Kumho 90.000.000 đồng; Cty TNHH Tư vấn & kỹ thuật Kunhwa 50.000.000 đồng). Ngoài ra cũng nhắc nhở các nhà thầu thi công và các đơn vị có liên quan về công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động trong thi công xây dựng tại công trường. Đến thời điểm hiện tại, các đoạn và tuyến đang thi công thuộc dự án không xảy ra phát sinh và tình trạng tai nạn giao thông, tai nạn lao động trong quá trình thi công không còn xảy ra.

**IV. Nội dung chất vấn: Giải pháp nhằm củng cố, nâng chất các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.**

**- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện:**

Thực hiện Đề án Đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2017 – 2020 (theo Quyết định số 1400/QĐUBND ngày 09/5/2017) và Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 16/8/2017 với mục tiêu chung là đổi mới toàn diện, phát triển đa dạng, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các HTX, THT trong nông nghiệp. Trong thời gian qua, tỉnh đã tập trung thực hiện một số nội dung, như sau:

Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ với số tiền 600 triệu đồng, đã thực hiện tuyên truyền về mô hình HTX kiểu mới tại các xã có kế hoạch lộ trình đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2017

bằng hình thức Pano tại 11 xã; đồng thời tổ chức 05 lớp đào tạo bồi dưỡng cho 119 lượt cán bộ quản lý và thành viên các HTX NN trong tỉnh nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành của cán bộ quản lý HTX. Trong 05 lớp đã dành riêng 02 lớp để bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ quản lý của 12 HTX tham gia thí điểm theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, vụ Đông Xuân 2017 – 2018, đã kêu gọi 19 doanh nghiệp và các công ty giống thực hiện liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn thông qua 15 HTX NN và 07 tổ hợp tác và các hộ nông dân với diện tích thực hiện là 15.548,40 ha.

Hiện nay các HTX trong tỉnh đều tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012, tuy nhiên vẫn còn 13 HTX NN ngưng hoạt động nhưng chưa giải thể. Lý do: phần lớn HTX có liên quan đến tài sản, công nợ nên địa phương đang thực hiện các bước theo quy định về giải thể, sáp nhập hay hợp nhất để chọn phương án tối ưu thực hiện. Sở Nông nghiệp & PTNT vẫn đang tiếp tục phối hợp với các Sở ngành hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện.

Đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra về tình hình tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 tại các HTX NN trong tỉnh nhằm kịp thời hướng dẫn thực hiện đúng theo quy định của Luật.

Cuối năm 2017 đã phối hợp với các Huyện, vận động thành lập mới 02 HTX NN tại 02 xã nông thôn mới.

Hiện nay, Sở Nông nghiệp & PTNT vẫn đang tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 16/8/2017 về việc thực hiện Đề án Đổi mới phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh An Giang.

***V. Nội dung chất vấn: Giải pháp để giữ vững, củng cố và nâng chất các tiêu chí, chỉ tiêu đối với các xã được công nhận nông thôn mới***

**- Thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) báo cáo kết quả thực hiện như sau:**

**1. Ban hành kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí, chỉ tiêu đối với các xã đã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” đến năm 2020**

1.1. Tính đến ngày 31/12/2017, toàn tỉnh có 33 xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận “Xã nông thôn mới”, (chiếm 27,73%), 08 xã đạt 15-18 tiêu chí, 44 xã đạt 10-14 tiêu chí, 34 xã đạt 5-9 tiêu chí; bình quân toàn tỉnh đạt 12,9 tiêu chí/xã và không còn xã nào đạt dưới 05 tiêu chí; Đối với 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2016, theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố cập nhật đánh giá theo bộ tiêu chí của Quyết định số 3379/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, đến cuối năm 2017, chỉ có 07/21 xã giữ vững, duy trì nâng chất theo bộ tiêu chí mới, cụ thể:

- Có 7 xã giữ vững 19 tiêu chí gồm: Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Thoại Giang - huyện Thoại Sơn; Vĩnh Châu, Vĩnh Tế - TP. Châu Đốc; Long An - TX. Tân Châu; Núi Voi - huyện Tịnh Biên;

- Có 3 xã đạt 18 tiêu chí gồm: xã Khánh An - huyện An Phú; Phú Bình - huyện Phú Tân và xã Kiến Thành - huyện Chợ Mới;
- Có 7 xã đạt 17 tiêu chí gồm: Bình Chánh - huyện Châu Phú; Vĩnh Nhuận - huyện Châu Thành; xã Long Điền A, Long Điền B - huyện Chợ Mới; Vĩnh Gia - huyện Tri Tôn; Mỹ Hòa Hưng và Mỹ Khánh - TP. Long Xuyên;
- Có 2 xã đạt 16 tiêu chí gồm: xã Bình Thủy và Mỹ Đức - huyện Châu Phú;
- Có 01 xã đạt 15 tiêu chí gồm: xã Tân Hòa - huyện Phú Tân;
- Có 01 xã đạt 14 tiêu chí là xã Vĩnh Thành - huyện Châu Thành.

## **1.2. Nguyên nhân chưa đạt các chỉ tiêu, tiêu chí**

### **\* Nguyên nhân khách quan**

- Năm 2017 là năm đầu tiên điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 có nhiều tiêu chí, chỉ tiêu thay đổi dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, nhiều địa phương còn lúng túng trong quá trình xác định đánh giá mức độ đạt tiêu chí nông thôn mới của xã.

- Một số nội dung tiêu chí, chỉ tiêu hoàn toàn mới: Chỉ tiêu 17.8 về đảm bảo an toàn thực phẩm; Chỉ tiêu 18.5 về chuẩn tiếp cận pháp luật; Chỉ tiêu 18.6 về bình đẳng giới; Chỉ tiêu 19.1 về lực lượng dân quân vũng mạnh rộng khắp; các địa phương đang cập nhật số liệu và hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ minh chứng theo yêu cầu. Đặc biệt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất: theo yêu cầu của tiêu chí mới xã phải có HTX hoạt động theo Luật HTX 2012, các xã được công nhận từ năm 2016 về trước chỉ cần có Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả thì đã đạt yêu cầu tiêu chí.

- Một số nội dung tiêu chí, chỉ tiêu có mức quy định tăng cao như: Tiêu chí 11 về Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ  $\leq 7\%$  xuống chỉ còn  $\leq 4\%$ ; Chỉ tiêu 17.1 về nước sạch cũng tăng từ 80% lên 85%. Đặc biệt chỉ tiêu 15.1 về tỷ lệ người dân tham gia BHYT tăng từ 70% lên 85%, đây là chỉ tiêu có mức tăng cao nhất và. Đây là chỉ tiêu thiếu bền vững và rất dễ thay đổi vì số thẻ BHYT thay đổi liên tục qua từng tháng, từng quý trong khi chất lượng khám chữa bệnh tại cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu của người dân. Ngoài ra, đối với việc thực hiện chỉ tiêu 19.2 về an ninh trật tự còn nhiều bất cập, chông chéo trong hướng dẫn đánh giá theo quy định của Bộ Công an.

### **\* Nguyên nhân chủ quan**

- Sau khi được công nhận đạt chuẩn một số địa phương có biểu hiện thỏa mãn với kết quả đạt được, thiếu sự tập trung, không tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện việc duy trì, giữ vững và nâng chất mức độ đạt chuẩn các tiêu chí; điển hình như xã Tân Hòa - huyện Phú Tân (15 TC), Vĩnh Thành - huyện Châu Thành (14 TC).

- Một số xã đã được công nhận nhưng chỉ tiêu, tiêu chí còn thiếu bền vững, dễ biến động như: bảo hiểm y tế, hộ nghèo, cảnh quan, môi trường...

## **1.3. Giải pháp thực hiện**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, triển khai sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua xây dựng nông thôn

mới trên địa bàn nhằm biểu dương, khích lệ tập thể, cá nhân, tạo sự lan tỏa trong nhân dân, cộng đồng và xã hội; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, văn hóa, y tế... đặc biệt là vận động xã hội hóa để tiếp tục nâng chất các công trình cầu, đường giao thông để giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

- Các địa phương cần xây dựng kế hoạch sử dụng đúng mục đích, thường xuyên duy tu, bảo dưỡng để phát huy hết công năng của công trình đã được đầu tư trên địa bàn, tránh việc sử dụng không hiệu quả, gây lãng phí.

- Đối với các xã giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh phân bổ vốn cho 48 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và các xã đang phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới) bình quân 5.453 triệu đồng/xã.

- Tổ chức phát động phong trào xây dựng nông thôn mới đi vào thực chất; củng cố và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đi vào chiều sâu để người dân nhận thức được việc thực hiện duy trì theo bộ tiêu chí là quyền và lợi ích của chính bản thân các hộ gia đình; từ đó mới đảm bảo đạt các chỉ tiêu như: bảo hiểm xã hội, an toàn thực phẩm, môi trường một cách bền vững. - Chú trọng bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp.

- Thường xuyên rà soát, tổng kết các mô hình sản xuất có hiệu quả, nhất là các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để nhân rộng trong toàn tỉnh.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện, xã cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường công tác, kiểm tra, rà soát lại thực chất, củng cố, bổ sung xây dựng kế hoạch cụ thể công tác duy trì, nâng chất theo bộ tiêu chí mới.

- Rà soát nguyên nhân chủ quan, khách quan trong việc duy trì và nâng chất các tiêu chí; đề xuất khen thưởng, phê bình trách nhiệm người đứng đầu cấp Ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện.

## **2. Tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;**

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020; Sở Nông nghiệp & PTNT đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2020, gồm 19 tiêu chí và 35 chỉ tiêu.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 548/SNN&PTNT-VPĐPNTM ngày 13/4/2018 gửi các huyện, thị xã, thành phố đề nghị đăng ký "Xã nông thôn mới nâng cao" giai đoạn 2018-2020. Đến nay các huyện đã có Văn bản đăng ký chọn xã phát đầu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 của UBND tỉnh. Dự kiến có 12 xã đăng ký thực hiện; Trong đó mỗi đơn vị cấp huyện đăng ký 01 xã, riêng huyện Thoại Sơn đăng ký 02 xã.

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung công việc tham mưu ban hành kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí, chỉ tiêu đối với các xã đã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” và nội dung ban hành bộ tiêu chí nâng cao giai đoạn 2018 - 2020./.

## **VI. Nội dung chất vấn: Tình hình, kết quả thực hiện các quỹ tài chính hiện có của địa phương trong thời qua, giải pháp trong thời gian tới.**

### **- Giám đốc Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện**

#### 1. Phương án sắp xếp các Quỹ tài chính địa phương:

1.1. Về tổ chức, nhân sự bộ máy quản lý điều hành để đưa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh hoạt động độc lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thực hiện Thông báo số 500/TB-VPUBND ngày 19/12/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính đã phối hợp với các Sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, đồng thời phối hợp với Sở Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đồng Tháp An Giang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định bổ nhiệm Ban điều hành Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

Ngài ra, phối hợp với Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh. Theo đó, tổng số nhân sự của Quỹ dự kiến là 24 người, gồm có 03 phòng nghiệp vụ: Phòng Tín dụng - Ủy thác, Phòng Kế toán - Kho quỹ, Phòng Tổng hợp - Hành chính nhân sự. Dự kiến trong tháng 6/2018 sẽ kiện toàn các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển, ổn định hoạt động bộ máy của Quỹ.

Hiện nay, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh đã thực hiện tiếp nhận bàn giao mọi hoạt động của Quỹ từ Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đồng Tháp - An Giang và chính thức đi vào hoạt động lập từ ngày 16/4/2018, trụ sở tạm thời của Quỹ tại số 83 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, dự kiến đầu tháng 6/2018 Quỹ sẽ dời về địa chỉ số 05 đường Lê Quý Đôn, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên (Trụ sở cũ của Sở Nội vụ).

Dự kiến trong tháng 6/2018, Quỹ sẽ thực hiện nhận ủy thác quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường theo hợp đồng ủy thác.

1.2. Đối với việc sáp nhập Quỹ Hỗ trợ xã hội hóa vào Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh:

Căn cứ Thông báo số 500/TB-VPUBND ngày 19/12/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; công văn số 510/UBND-TH ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung nội dung thông qua tại kỳ họp lần thứ 7 HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 (lần 3), Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Phương án sáp nhập Quỹ Hỗ trợ xã hội hóa vào Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang, Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến góp ý dự thảo Phương án, Tờ trình, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.



Trên cơ sở ý kiến góp ý dự thảo của các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài chính sẽ hoàn chỉnh dự thảo Phương án, Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sáp nhập Quỹ Hỗ trợ xã hội hóa vào Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tại kỳ họp lần thứ 7 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

1.3. Việc ủy thác Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường cho Quỹ Đầu tư phát triển quản lý, điều hành:

Hiện nay đang hoàn thiện các Quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt để làm cơ sở ủy thác các Quỹ nêu trên cho Quỹ Đầu tư phát triển quản lý, điều hành hoạt động.

1.4. Quỹ cho vay Xuất khẩu lao động: Hiện nay, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh rà soát lại toàn bộ quá trình hoạt động của Quỹ, để có cơ sở tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý.

## 2. Bổ sung chức năng cho Quỹ Bảo vệ Môi trường:

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho Quỹ Bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất đối với cá nhân, hộ gia đình đầu tư các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng ứng dụng công nghệ cao tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 98/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang. Theo đó vốn điều lệ là 100 tỷ đồng, do ngân sách tỉnh cấp trong 03 năm (2018-2020). Đến nay, Quỹ bảo vệ môi trường đã được ngân sách cấp bổ sung vốn điều lệ 70 tỷ đồng (cấp trong năm 2018 là 60 tỷ đồng).

Hiện nay, Quỹ Bảo vệ môi trường đang xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý quỹ và Quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường gửi các Sở, ngành có liên quan đóng góp ý kiến để trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt tổ chức triển khai thực hiện.

## 3. Bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính địa phương:

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ 30 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Ngày 15/3/2018 Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2404/VPCP-KTTH. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đồng ý cấp 70 tỷ đồng để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 736/QĐ-BTC ngày 21/5/2018 về

việc xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang với số tiền 70 tỷ đồng.

Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm để cấp bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính địa phương. Riêng năm 2018, ngân sách tỉnh đã bố trí dự toán để bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính địa phương với số tiền 86 tỷ đồng, gồm: bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường 60 tỷ đồng và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh 26 tỷ đồng. Đến nay đã thực hiện cấp kinh phí xong theo dự toán để các Quỹ có nguồn vốn thực hiện cho vay theo quy định.

## **B. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) *Những thuận lợi, khó khăn trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 09/12/2016 quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.*

b) *Vì sao các cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, HTX, Liên hiệp HTX khó tiếp cận vốn vay hỗ trợ theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016. Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp.*

- **Kết quả thực hiện như sau:**

**I. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

### **1. Về việc ban hành văn bản thực hiện chính sách**

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang, theo đó Quỹ sẽ thực hiện *hỗ trợ tài chính (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng) cho cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh* theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường số tiền **60 tỷ đồng** tại Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **2. Kết quả triển khai thực hiện:**

#### **2.1. Kết quả thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:**

Từ năm 2017 đến nay (theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND): đã thu hút được 26 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 9.907.172 tỷ đồng, chiếm 23,42% tổng số dự án thu hút trên địa bàn và bằng 37,58% về tổng vốn đăng ký đầu tư do doanh nghiệp đầu tư.

#### **2.2. Về hỗ trợ đầu tư và bố trí nguồn lực thực hiện**

**2.2.1. Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp và hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án**

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư **08 dự án**, với tổng mức đầu tư của **08 dự án** là **583,4 tỷ đồng**, trong đó:

*a) Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp*

Hỗ trợ đầu tư cho **05 dự án** của doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đầu tư là 567 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 20 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 05 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 15 tỷ đồng, bao gồm:

- Dự án Trang trại chăn nuôi bò SD với tổng vốn đăng ký đầu tư là 150 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 05 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 03 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 02 tỷ đồng.

- Dự án Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau màu Antesco với tổng mức đầu tư là 135 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 05 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 02 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 03 tỷ đồng.

- Dự án Hệ thống tháp sấy lúa với tổng vốn đăng ký đầu tư là 09 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ là 02 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

- Dự án Nhà máy chế biến lương thực Trịnh Văn Phú với tổng vốn đăng ký đầu tư là 143 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ 05 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

- Dự án Trại heo công nghệ cao Việt Thắng An Giang với tổng vốn đăng ký đầu tư là 130 tỷ đồng, tổng vốn hỗ trợ 03 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

*b) Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án*

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho 03 tuyến đường giao thông nông thôn để kết nối đến chân hàng rào các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai dự án, đưa dự án vào hoạt động với tổng vốn hỗ trợ đầu tư 16,4 tỷ đồng, gồm:

- Dự án Đường Bờ đông Kênh T6, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn: vốn hỗ trợ đầu tư 3,5 tỷ đồng.

- Dự án Đường giao thông ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn (đường vào trang trại nuôi bò của hộ Nguyễn Thanh Liêm): vốn hỗ trợ đầu tư 8,9 tỷ đồng.

- Dự án Đường giao thông nông thôn ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn (đường vào dự án trang trại nuôi bò của Công ty TNHH một thành viên SD và trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao của công Ty TNHH Hoàng Vĩnh Gia): vốn hỗ trợ đầu tư 04 tỷ đồng.

**2.2.2. Về bố trí nguồn lực thực hiện:**

*a) Bố trí vốn thực hiện giai đoạn 2016 - 2020*

- Đối với ngân sách tỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh An Giang), theo đó bố trí vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP cho 05 dự án với tổng vốn hỗ trợ là 15.000 triệu đồng.

- Đối với ngân sách Trung ương: theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, theo đó bố trí vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP cho 02 dự án với tổng vốn hỗ trợ là 5.000 triệu đồng.

*b) Tình hình thanh toán các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp*

Tính đến thời điểm hiện nay, Sở Tài chính đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thanh toán các khoản hỗ trợ cho 05 doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP là 16.734,703 triệu đồng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (Antesco): 5.000 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 2.000 triệu đồng (năm 2018).

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.000 triệu đồng (năm 2017).

(2) Công ty TNHH một thành viên SD: 1.734,703 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh năm 2017*).

(3) Công ty Cổ phần Hưng Lâm: 2.000 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh năm 2017*).

(4) Công ty TNHH một thành viên Trịnh Văn Phú: 5.000 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh năm 2018*).

(5) Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang: 3.000 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh năm 2018*).

c) Ngoài ra, thực hiện Công văn số 1334/BKHĐT-KTNN ngày 08/3/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổng hợp nhu cầu hỗ trợ dự án theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 270/UBND-KTTH ngày 15/3/2018 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đó đề nghị hỗ trợ 04 dự án đầu tư với mức vốn hỗ trợ là 20.000 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 12.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 8.000 triệu đồng.

### **3. Tình hình hỗ trợ tài chính, tiếp cận tín dụng:**

#### **3.1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang**

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang được thành lập vào năm 2012 với số vốn điều lệ là 100.000 triệu đồng, ngân sách Nhà nước cấp thực tế là 103.717 triệu đồng. Quỹ thực hiện cho vay đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 02/10/2014.

Quỹ Đầu tư phát triển được ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Đồng Tháp - An Giang trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động. Hiện nay, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã chính thức đi vào hoạt động độc lập từ ngày 16/4/2018, trụ sở tạm thời của Quỹ tại số 83 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Hội đồng Quản lý Quỹ đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay 15 dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, giao thông, năng lượng; lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác, tổng mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 141.946 triệu đồng, số vốn đã giải ngân là 103.303 triệu đồng, nợ gốc đã thu 20.004 triệu đồng, số dư nợ vay 83.299 triệu đồng, trong đó:

+ Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, giao thông, năng lượng: 05 dự án với mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 46.660 triệu đồng, số vốn đã giải ngân là 36.430 triệu đồng, số dư nợ vay là 28.345 triệu đồng.

+ Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội: 07 dự án với mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 68.286 triệu đồng, số vốn đã giải ngân là 52.553 triệu đồng, số dư nợ vay là 41.835 triệu đồng.

+ Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương: 03 dự án với mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng là 27.000 triệu đồng, số vốn đã giải ngân 14.320 triệu đồng, số dư nợ vay của 01 dự án là 13.120 triệu đồng.

- Tồn Quỹ đến thời điểm thời điểm hiện nay là 20.418 triệu đồng.

- Quá trình hoạt động của Quỹ đã thể hiện được vai trò đầu tư phát triển, cũng như góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thông qua việc cho vay đầu tư các dự án lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như cho vay đầu tư lĩnh vực hạ tầng giao thông, du lịch, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Tuy nhiên, khó khăn hiện nay nguồn vốn của Quỹ còn hạn chế, trong khi nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân là rất lớn, do ngân sách tỉnh khó khăn nên không có nguồn bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Mặt khác, Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên việc huy động vốn từ các thành phần kinh tế khác rất khó thực hiện.

3.2. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh An Giang, trong đó nhiệm vụ của Quỹ sẽ thực hiện "*Hỗ trợ tài chính (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng) cho cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh (lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, hoa - cây kiểng, nấm ăn - nấm dược liệu, rau màu, cây dược liệu, cây ăn quả) quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND.*

- Vốn Điều lệ hoạt động của Quỹ là 100 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp trong 03 năm (2018 - 2020). Trong đó, năm 2018 ngân sách tỉnh đã bố trí dự toán để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường số tiền 60 tỷ đồng tại Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 03/12/2017 và Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**II. Đánh giá kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình**

## 1. Đánh giá chung

Nhìn chung, tình hình triển khai thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo thường xuyên.

Qua kết quả nêu trên, bước đầu có thể khẳng định các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ đầu tư do Trung ương, do tỉnh ban hành, cùng với quan tâm kêu gọi đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các cấp, các ngành trong quá trình nhà đầu tư tiếp cận dự án, thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai dự án,... đã tác động, thu hút được các dự án vào nông nghiệp, nông thôn, từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển các dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện cũng có một số khó khăn nhất định như:

- Việc bố trí nguồn vốn Trung ương thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP rất hạn chế, chưa đáp ứng với nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (*cả giai đoạn 2016 - 2020 Trung ương hỗ trợ 5.000 triệu đồng cho 02 dự án*).

- Việc công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mặc dù đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, rất khó để triển khai thực hiện Điều 2 Quyết định này vì tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, diện tích phải liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính một tỉnh; Đối tượng sản xuất và quy mô của vùng là nhiều và rất lớn, cụ thể: cây ăn quả lâu năm diện tích tối thiểu là 300 ha; Chăn nuôi bò thịt tối thiểu 20.000 con/năm; Chăn nuôi lợn thịt số lượng tối thiểu là 40.000 con/năm, lợn giống (lợn nái) tối thiểu 2.000 con/năm; Chăn nuôi gia 3 cầm số lượng tối thiểu là 50.000 con/lứa... Trung ương không bố trí đủ vốn để hỗ trợ đầu tư như chính sách đã ban hành.

- Ngày 19/4/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo đó:

- *Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải có đủ các điều kiện sau đây:*

+ Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 Luật Công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, bao gồm: Công nghệ thông tin; Công nghệ sinh học; Công nghệ vật liệu mới; Công nghệ tự động hóa.

+ Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm.

+ Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyên

giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%.

+ Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

- *Thẩm quyền công nhận*: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đến nay, vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết thi hành của Bộ, ngành Trung ương về thực hiện Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg.

## **2. Nguyên nhân và các giải pháp để cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp cận vốn vay hỗ trợ theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND**

Cơ chế đặc thù của tỉnh là hỗ trợ vốn vay cho các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh (lúa, chăn nuôi, thủy sản, hoa - cây kiểng, nấm ăn - nấm dược liệu, rau màu, cây dược liệu, cây ăn quả) được Quỹ Tài chính của tỉnh cho vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, các đối tượng này chưa tiếp cận vốn vay là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

**2.1.** Quy chế hoạt động và Quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ bảo vệ môi trường cho các đối tượng này chưa được quy định. Do đó, việc tiến hành hỗ trợ tài chính cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND chưa thể thực hiện được.

- Hiện nay, Hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ môi trường đang lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan về Quy chế hoạt động và Quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ bảo vệ môi trường để hoàn chỉnh trước khi ban hành.

Sau khi Quy chế hoạt động Hội đồng quản lý quỹ và Quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ bảo vệ môi trường được ban hành, Hội đồng Quản lý Quỹ sẽ tiến hành hỗ trợ tài chính cho cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh (lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, hoa - cây kiểng, nấm ăn - nấm dược liệu, rau màu, cây dược liệu, cây ăn quả) quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND.

Ngoài ra, các đối tượng này khó tiếp cận được các nguồn vốn vay, ngoài việc không có tài sản đảm bảo, còn có nguyên nhân chưa có phương án sản xuất kinh doanh khả thi, thị trường đầu vào, đầu ra chưa ổn định; sản phẩm chưa có thương hiệu, sản phẩm dịch vụ chỉ thuần túy là tươi, tiêu, phơi, sấy; các HTX chưa có mối liên kết sử dụng sản phẩm cùng ngành nghề; vốn điều lệ thấp; cơ sở vật chất còn lạc hậu; chế độ sổ sách kế toán chưa đảm bảo theo quy định, có trường hợp không trung thực, năng lực quản trị điều hành còn hạn chế, nhiều khoản nợ

quá hạn ngân hàng chậm được xử lý...

2.2. Nguồn vốn hỗ trợ tài chính cho chương trình này còn khá khiêm tốn (như Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh hiện nay tồn quỹ còn 20.418 triệu đồng; Quỹ Bảo vệ môi trường kế hoạch vốn năm 2018 bố trí 60.000 triệu đồng), trong khi nhu cầu vay của doanh nghiệp, nhà đầu tư, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là rất lớn.

2.3. Việc công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mặc dù được phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công nhận tại Điều 2 Quyết định 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên rất khó triển khai vì tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao diện tích phải liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính 1 tỉnh. Đồng thời, đối tượng sản xuất và quy mô của vùng là rất lớn.

Cụ thể: Cây ăn quả lâu năm, diện tích tối thiểu 300 hécta; chăn nuôi bò thịt tối thiểu 20.000 con/năm; chăn nuôi heo thịt tối thiểu 40.000 con/năm; heo giống (theo nái) tối thiểu 2.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm tối thiểu 50.000 con/lứa. Đây là một trong những khó khăn cho việc triển khai có hiệu quả Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng nông nghiệp, nông thôn, Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp, thậm chí làm ảnh hưởng, gây khó trong công tác triển khai đối với gói tín dụng 3.000 tỷ đồng phục vụ cho chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

### **III. Một số các giải pháp cơ bản để tăng cường hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh**

#### **1. Đối với Trung ương**

Tranh thủ Bộ, ngành Trung ương tiếp tục bổ sung vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để hỗ trợ cho Chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Văn bản số 270/UBND-KTTH ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

#### **2. Các nhiệm vụ cụ thể đối với các Sở, ngành và địa phương**

##### **a) Về xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở, ngành và địa phương triển khai Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP) tại Văn bản 2149/VPUBND-KTN ngày 09/5/2018. cụ thể:

+ Thông tin các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đến các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Website các Sở, ban, ngành có liên quan.



+ Rà soát cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, từ đó tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh. Dự kiến sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND *trong kỳ họp lần thứ 8 Hội đồng nhân dân khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021.*

**b) Triển khai thực hiện Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan tích cực nghiên cứu, đề xuất để sớm triển khai Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 2088/VPUBND-KTN ngày 07/5/2018.

**c) Về hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận vốn vay theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND**

- Chỉ đạo Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường sớm ban hành Quy chế hoạt động và Quy chế cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư để triển khai thực hiện cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh (lúa, chăn nuôi, thủy sản, hoa - cây kiểng, nấm ăn - nấm dược liệu, rau màu, cây dược liệu, cây ăn quả) theo quy định quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND.

- Giao trách nhiệm Liên minh Hợp tác xã tỉnh, phối hợp Hội Nông dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn các chính sách, pháp luật của tỉnh về hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận vốn vay theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND; giúp nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã xây dựng Phương án kinh doanh khả thi, hiệu quả; chuẩn bị hồ sơ liên quan đầy đủ, đúng pháp luật để được các Quỹ tài chính của tỉnh xem xét, cho vay theo quy định.

Trên là báo cáo kết quả thực hiện chất vấn tại kỳ họp lần thứ 6 HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021. *T.T.L*

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng VP.UBND tỉnh ;
- Lưu: VT.LT.



**Lê Văn Nung**